

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DS-ST

Ngày: 28 – 09 – 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G – TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thái Bảo Toàn**

2. Bà **Cao Thị Mỹ Phượng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Minh Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn
Mộng Đẹp** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần B.** Trụ sở: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số 210, đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông **Nguyễn Tấn D** – Giám đốc Chi nhánh Bạc Liêu. Là người đại diện theo ủy quyền theo Quyết định ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tổng giám đốc

Người được ủy quyền lại: Ông **Lê Thanh B** – Chuyên viên Ngân hàng. Theo Quyết định ủy quyền số: 460 ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Giám đốc Chi nhánh. (*Vắng mặt*)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tài N**, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: Ấp 12, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và ông **Huỳnh Văn L**, sinh năm 1981; HKTT: Ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở hiện nay: Ấp 12, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

+ Vào ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa Ngân hàng với bà N và ông L có ký hợp đồng tín dụng số HĐTD20A201847, trong đó Ngân hàng cho bà N và ông L vay với số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay 60 tháng, mục đích cho vay: tiêu dùng. Bà N và ông L đã trả cho Ngân hàng được số tiền gốc 125.000.004đ và đóng lãi được 66.540.923đ, tổng cộng 191.540.927đ. Hiện bà N và ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 28 tháng 9 năm 2021, bà N và ông L còn nợ số tiền gốc 174.999.996đ và lãi 30.711.997đ, tổng cộng: 205.711.973đ.

+ Vào ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa Ngân hàng với bà N và ông L có ký hợp đồng tín dụng số HĐTD20A202021, trong đó Ngân hàng cho bà N và ông L vay với số tiền 90.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, mục đích cho vay: tiêu dùng. Bà N và ông L chưa trả nợ gốc và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến hết ngày 28 tháng 9 năm 2021, bà N và ông L còn nợ số tiền gốc 90.000.000đ và lãi 12.089.156đ, tổng cộng: 102.089.156đ.

+ Ngân hàng yêu cầu bà N và ông L có nghĩa vụ trả nợ trả cho Ngân hàng đối với số tiền gốc và lãi của hai hợp đồng nêu trên và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Tài N trình bày: Việc vợ chồng bà vay và nợ như Ngân hàng khởi kiện là đúng, nay bà đồng ý trả nợ gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Nhưng do gia đình gặp khó khăn nên bà yêu cầu trả dần và yêu cầu giảm lãi.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không thể tiến hành lấy lời khai.

- Kiểm sát viên phát biểu:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị Tài N đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn ông Huỳnh Văn L không có mặt theo giấy triệu của Tòa án, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải là không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị Tài N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị Tài N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Huỳnh Văn L đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt của họ là phù hợp với quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Ngân hàng là đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đã cung cấp, giao nộp cho Tòa án toàn bộ hồ sơ tín dụng mà các bên đã xác lập; Các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của Ngân hàng là hợp pháp và bà N đã thừa nhận nợ. Như vậy có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng.

- Buộc bà Nguyễn Thị Tài N và ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vay còn nợ gốc là 174.999.996đ và lãi suất là 30.711.997đ (tính đến hết ngày 28 tháng 9 năm 2021), tổng cộng: 205.711.973đ (theo hợp đồng tín dụng số HĐTD20A201847 ngày 12 tháng 7 năm 2018);

- Buộc bà Nguyễn Thị Tài N và ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vay còn nợ gốc là 90.000.000đ và lãi suất là 12.089.156đ

(tính đến hết ngày 28 tháng 9 năm 2021), tổng cộng: 102.089.156đ (theo hợp đồng tín dụng số HĐTD20A202021 ngày 04 tháng 3 năm 2020).

[3]. Lãi suất phát sinh được áp dụng theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Xét yêu cầu của bà N:

- Yêu cầu trả dần: Hội đồng xét xử xét thấy, đối với phương thức trả nợ sẽ được thực hiện tại giai đoạn thi hành án;

- Yêu cầu giảm lãi: Khi tham gia giao kết hợp đồng, các bên đã thỏa thuận lãi suất, đồng thời Ngân hàng không đồng ý với lý do không có chương trình giảm lãi nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét việc giảm lãi.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G là phù hợp nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị Tài N và ông Huỳnh Văn L phải chịu án phí trên yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận là: $(205.711.973đ + 102.089.156đ) \times 5\% = 15.390.000đ$ (lấy tròn số);

- Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền đã tạm ứng là 6.980.000đ theo biên lai thu tiền số 0003538 ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015
- Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 về việc công bố án lệ của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B.
2. Buộc bà Nguyễn Thị Tài N và ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vay còn nợ gốc là 174.999.996đ và lãi suất là 30.711.997đ (tính đến hết ngày 28 tháng 9 năm 2021), tổng cộng: 205.711.973đ (theo hợp đồng tín dụng số HĐTD20A201847 ngày 12 tháng 7 năm 2018).
3. Buộc bà Nguyễn Thị Tài N và ông Huỳnh Văn L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền vay còn nợ gốc là 90.000.000đ và lãi suất là 12.089.156đ (tính đến hết ngày 28 tháng 9 năm 2021), tổng cộng: 102.089.156đ (theo hợp đồng tín dụng số HĐTD20A202021 ngày 04 tháng 3 năm 2020).
4. Kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2021 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bà Nguyễn Thị Tài N và ông Huỳnh Văn L phải chịu nộp án phí 15.390.000đ;

- Ngân hàng thương mại cổ phần B được nhận lại số tiền đã tạm ứng là 6.980.000đ theo biên lai thu tiền số 0003538 ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Tấn